

Số: 06/2021/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi  
hỗ trợ hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21  
tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật  
Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ về Khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019  
của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân  
sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Nghị quyết về việc ban hành Quy định nội  
dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà  
nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách  
và ý kiến thảo luận của đại biểu.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Các bộ: TC, KH&ĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT HĐND, lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Chung**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông  
từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND  
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động Khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Những nội dung và mức chi cho hoạt động khuyến nông không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

#### **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông**

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, trong đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông tỉnh và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, tổ chức thực hiện.

b) Ngân sách cấp huyện, xã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí hoạt động khuyến nông hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông**

1. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động khuyến nông phải thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

2. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi phí phục vụ lớp học:

a) Thuê hội trường, phòng học, thiết bị học tập; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê phiên dịch và biên dịch; chi tổ chức khai giảng, bế giảng; chi khác (điện, nước, thông tin liên lạc, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

b) Chi in ấn tài liệu, in chứng chỉ, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm): Thanh toán theo thực tế, có chứng từ hợp pháp.

c) Chi giải khát giữa giờ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chi phụ cấp tiền ăn, bố trí nơi ở, chi phí đưa, đón, thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có):

a) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng: Mức chi theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 155/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là Nghị quyết 155/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh) và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Chi phụ cấp tiền ăn, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Mức chi theo khoản 1, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (Sau đây gọi là Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

c) Chi phí đưa đón giảng viên, trợ giảng: Thanh toán theo hoá đơn thực tế được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (Sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính).

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Người nông dân được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ

300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì được hỗ trợ chi phí dịch vụ: điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì được hỗ trợ chi phí dịch vụ: điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

#### 6. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước:

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

#### **Điều 5. Chi thông tin tuyên truyền**

1. Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu; trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Ban hành quy định về chế độ nhuận bút, thù lao trong hoạt động xuất bản bản tin, phát thanh, truyền thanh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập:

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Mức chi theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo vận dụng mức chi quy định tại khoản 5, Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: Mức chi theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp trong nước:

a) Đối với cơ quan khuyến nông cấp tỉnh, huyện: Được hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp trong nước, bao gồm: thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị, hoạt động của ban tổ chức, tư vấn, thiết kế khu hội chợ triển lãm, thuê gian hàng, trang trí, tủ, kệ để hàng, vận chuyển hàng hóa... trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân khác: Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 22 Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

6. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây

dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

7. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

### **Điều 6. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình**

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

a) Mô hình trình diễn thực hiện theo Điều 24 Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 02 tỷ đồng/01 mô hình.

c) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

d) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

3. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Nội dung chi: Chi thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, thuê xe; chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành; chi hỗ trợ tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ; chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên.

b) Mức chi: Thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết này.

4. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.



## **Điều 7. Chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này.

3. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

4. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

## **Điều 8. Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông**

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 172/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế tại địa phương và quy định đối tượng, mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Bắc Ninh.

## **Điều 9. Nội dung chi khác**

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh trong các kỳ họp thường lệ.

2. Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định theo Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các sở**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động khuyến nông xây dựng kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh.

b) Tổng hợp, thẩm định Kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh hàng năm do các tổ chức, cá nhân đăng ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

c) Quản lý, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí các nhiệm vụ, dự án khuyến nông cấp tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí thường xuyên cho các hoạt động khuyến nông địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách hiện hành, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương theo đúng quy định.

#### **Điều 12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động khuyến nông xây dựng kế hoạch khuyến nông cấp huyện; phê duyệt kinh phí khuyến nông cấp huyện bằng nguồn ngân sách huyện.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông theo đúng quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí tại địa phương.

4. Theo dõi, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kinh phí hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

**Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy định**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *Ulyen*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Chung**